

NGÔN NGỮ HỌC VỚI VIỆT NGỮ HỌC

CÁC LỖI THƯỜNG GẶP TRONG VĂN BẢN HỢP ĐỒNG TIẾNG VIỆT

COMMON LINGUISTIC MISTAKE IN CONTRACT DOCUMENTS IN VIETNAMESE

TRẦN THỊ THÙY LINH

(ThS; Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, ĐHKQTĐ)

Abstract: Language in contract is supposed to be the most comprehensive and widely-impacted in our society today. Individuals and business organizations are both closely related to the contract. Therefore, it requires the drafters of the contract not only to be careful, meticulous but also to deeply understand on particular field, legal provision and term using as well as grammar compliance to avoid unreasonable errors. Since the contract is a covenant on the rights and obligations of the parties and these covenant is within legal binding.

Key word: contract ; errors

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, trong đời sống của chúng ta có lẽ không một loại văn bản hành chính nào có ý nghĩa toàn diện và ảnh hưởng rộng khắp như hợp đồng. Mỗi hoạt động của cá nhân hay tổ chức kinh doanh dù nhỏ đến lớn đều liên quan đến hợp đồng, chẳng hạn, khi chúng ta thuê một căn hộ, khi chúng ta sử dụng dịch vụ trả trước hoặc trả sau của một mạng điện thoại hay khi chúng ta làm một việc tại một cơ sở. Chính vì thế, người soạn thảo hợp đồng bên cạnh việc cẩn thận, tỉ mỉ còn cần phải am hiểu lĩnh vực được kí kết trong hợp đồng thông qua vốn từ sâu rộng nhằm tránh những lỗi không đáng có khi soạn thảo. Bởi vì, hợp đồng là những giao ước về quyền và nghĩa vụ của các bên và những giao ước trong hợp đồng bị ràng buộc pháp lí và có hiệu lực tức là buộc các bên tham gia phải thực hiện đầy đủ và chính xác. Nếu có tranh chấp, khiếu kiện thì tòa án sẽ dựa trên các điều khoản đã kí kết giữa các bên mà phân xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, khi tiến hành khảo sát văn bản hợp đồng, chúng

tôi nhận thấy vẫn có nhiều kiểu lỗi, trong đó có những kiểu lỗi không đáng có trong một loại văn bản quan trọng như hợp đồng.

2. Các loại lỗi trong văn bản hợp đồng

2.1. Lỗi chính tả

Chính tả là sự chuẩn hoá hình thức chữ viết của ngôn ngữ. Đó là một hệ thống các quy tắc về cách viết các âm tiết, từ, cách viết hoa, sử dụng các dấu câu, tên riêng, từ nước ngoài... Chính tả không phải do bản thân ngôn ngữ quy định mà do xã hội quy định, và là các quy tắc được cộng đồng xã hội thừa nhận. Liên quan đến vấn đề này, đã có nhiều văn bản được đưa ra như *Quy định tạm thời về viết hoa trong văn bản của Chính phủ và Văn phòng Chính phủ*, *Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục*, *Quy định về chính tả tiếng Việt và thuật ngữ tiếng Việt*, *Quy tắc chính tả tiếng Việt và phiên chuyển tiếng nước ngoài*, *Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo khoa mới*, *Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa*. Song đến nay vấn đề này vẫn còn rất lộn xộn, điều này được nhận thấy rõ nhất khi chúng tôi tiến hành khảo

sát văn bản hợp đồng. Trong tổng số 86 lỗi chúng tôi thống kê được dựa trên việc khảo sát 174 trang hợp đồng thì có tới 47 lỗi chính tả.

Ví dụ 1: Bên A (Bên Bán): Trung tâm thương mại Vinh

Địa chỉ: 5A Nguyễn trãi – Quán bàu – Vinh – Nghệ an

Theo Quy định tạm thời về viết hoa trong văn bản của Chính phủ và Văn phòng Chính phủ: “Đối với danh từ riêng chỉ địa danh Việt Nam: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết tạo thành tên riêng”. Tuy nhiên, ở ví dụ trên, đối với các tên địa danh hai âm tiết, người soạn thảo lại chỉ viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên. Như vậy là sai quy tắc chính tả của tiếng Việt.

Ví dụ 2: Căn cứ theo Bộ Luật Dân Sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005.

Cũng theo Quy định trên thì trường hợp viết hoa tên riêng các cơ quan của Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ sẽ là “Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên và các âm tiết chỉ chức năng tạo thành tên riêng của các cơ quan”. Do đó, nếu viết đúng chính tả phải là “Căn cứ theo bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005”.

Ngoài các lỗi về viết hoa, trong văn bản hợp đồng còn xuất hiện nhiều lỗi liên quan đến dấu câu.

Ví dụ 3:

Hợp đồng mua bán ô tô

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ Luật Thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2011[...]

Theo Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản thì “Đối với những

văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính có phần căn cứ pháp lý để ban hành thì sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy, riêng căn cứ cuối cùng kết thúc bằng dấu phẩy”. Như vậy, nếu đối chiếu với quy định trên thì người soạn thảo văn bản đã mắc các lỗi về dấu câu bởi sau mỗi căn cứ người viết lại sử dụng các dấu chấm và ở căn cứ cuối cùng không thấy xuất hiện dấu câu. Đồng thời, phần văn bản trên cũng mắc các lỗi về cấu tạo câu. Nếu nhận diện câu về mặt hình thức khi viết như Nguyễn Thị Lương (2006) “Câu được nhận biết ở chữ cái đầu của âm tiết đầu câu được viết hoa và cuối câu có một trong các dấu . (chấm) ! (chấm than) ? (chấm hỏi)” thì các câu trong phần văn bản thiếu thành phần nòng cốt câu, câu mới chỉ có trạng ngữ. Thường thì các lỗi về dấu câu sẽ kéo theo các lỗi về cấu tạo câu.

Ví dụ 4: Hôm nay ngày 23 tháng 9 năm 2011 tại Văn phòng Nhà khách Thắng Lợi Vũng Tàu (Vung tau Victory Hotel)[...].

Nếu như ở ví dụ 3 người viết đã sử dụng sai dấu câu dẫn đến sai cấu tạo câu thì ở ví dụ này người viết lại không dùng dấu câu ở chỗ cần thiết. Các thành phần trạng ngữ chỉ địa điểm, thời gian không được ngăn cách với nhau và với thành phần nòng cốt câu bằng dấu phẩy. Tuy nhiên, về mặt nghĩa các thành phần này tương đối rõ ràng nên không xảy ra tình trạng ngắt nhịp sai dẫn tới mơ hồ về nghĩa.

Thực tế khảo sát cho thấy, có trường hợp nếu không sử dụng dấu câu sẽ khiến người tiếp nhận văn bản lúng túng khi ngắt nhịp.

Ví dụ 5: Bên A đồng ý giao bên B đồng ý nhận thực hiện công việc Khảo sát, lập dự án Đường trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên đoạn từ đường sắt đến cầu vượt Quốc lộ 5.

Ví dụ trên là một câu ghép đẳng lập, có hai chủ thể và hai hành động khác nhau nhưng chung đối tượng, chính vì thế rất cần thiết phải có dấu phẩy ngăn cách hai vế của câu ghép “Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện công việc Khảo sát, lập dự án Đường trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên đoạn từ đường sắt đến cầu vượt Quốc lộ 5”. Điều này sẽ tránh

được việc người tiếp nhận văn bản nói chủ thể của hành động hai vào đối tượng của hành động một “*Bên A đồng ý giao bên B, đồng ý nhận thực hiện công việc Khảo sát, lập dự án Đường trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên đoạn từ đường sắt đến cầu vượt Quốc lộ 5*”.

2.2. Lỗi dùng từ

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên nên nó có tính ràng buộc pháp lí cao. Do đó, từ ngữ trong hợp đồng phải đảm bảo tính chính xác cao, nghĩa là thể hiện đúng ý chí của các bên kí kết. Vì vậy, đòi hỏi người lập hợp đồng phải có vốn từ vựng phong phú, sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn đó mới có thể xây dựng được một bản hợp đồng chặt chẽ từ ngữ, không gây ra những nhầm lẫn đáng tiếc, làm mất nhiều thời gian và công sức của các bên.

Theo luật gia Nguyễn Thu Thảo và Lê Nguyễn Thành Nam, từ ngữ trong hợp đồng phải được lựa chọn cẩn thận, chặt chẽ để thể hiện đúng mục đích của các chủ thể kí kết hợp đồng, do đó khi soạn thảo hợp đồng phải lựa chọn từ ngữ, viết các câu văn sao cho chỉ được hiểu một nghĩa, tránh dùng những từ, viết những câu có thể hiểu hai, ba nghĩa. Nó vừa mâu thuẫn với yêu cầu chính xác, cụ thể, vừa có thể tạo ra khe hở cho kẻ xấu lợi dụng, gây thiệt hại cho đối tác hoặc trốn tránh trách nhiệm khi có hành vi vi phạm hợp đồng, vì họ có quyền thực hiện theo những ý nghĩa của từ ngữ mà họ thấy có lợi nhất cho họ, dù cho đối tác có bị thiệt hại nghiêm trọng. Ví dụ: Trong điều khoản đồng tiền thanh toán của hợp đồng có ghi “*Bên A phải thanh toán cho bên B bằng ngoại tệ*”. Từ “ngoại tệ” ở đây rất chung chung, nó có thể là Đô la Mỹ, có thể là đồng Rúp của Nga, có thể là đồng Kíp của Lào... Nếu như hai bên làm ăn thiện chí với nhau thì Bên A sẽ thanh toán cho bên B đô la Mỹ, ngược lại, họ có thể thay bằng đồng Rúp của Nga, cũng là ngoại tệ, nhưng khả năng giao dịch yếu, giá trị không ổn định và kém hiệu lực rất nhiều so với đô la Mỹ.

Ví dụ 7: Trong vòng 02 ngày sau khi nhận được yêu cầu của bên B, Bên A sẽ cử người sang bảo trì các thiết bị, máy móc.

Xuất phát từ yêu cầu nội dung của hợp đồng phải chính xác, chặt chẽ, cụ thể để các bên hiểu và thực hiện đúng, chính xác, đầy đủ hợp đồng cho nên trong điều khoản trên phải thêm phần định ngữ sau từ “ngày”. Bởi nếu không người ta có thể hiểu hoặc là ngày dương lịch hoặc là ngày làm việc. Chúng ta giả định bên A nhận được yêu cầu của bên B vào cuối giờ chiều thứ 6 và Bên A nghỉ làm việc vào thứ 7 và chủ nhật thì đến thứ 2 cử người sang vẫn là thực hiện đúng hợp đồng nếu trong hợp đồng ghi là “ngày làm việc”. Trong trường hợp là ngày dương lịch thì sang đến thứ hai bên A mới cử người sang sửa chữa là đã không thực hiện đúng những gì đã cam kết trong hợp đồng và sẽ chịu phạt.

Ở ví dụ 7 và 8 chúng ta đã thấy được tác hại của việc dùng thiếu từ trong văn bản hợp đồng. Tuy nhiên, trong thể loại văn bản này dùng thừa từ cũng là một điều khó chấp nhận và hậu quả mà nó mang đến cũng không khác gì khi dùng thiếu từ

Ví dụ 8: Bên A có thể sẽ không chấp nhận nếu bên B đưa loại hàng không đúng quy cách đã thỏa thuận trên.

Với điều khoản trên, bên B vẫn còn hi vọng một khả năng bên A chấp nhận hàng hóa sai quy cách của mình do người soạn thảo văn bản hợp đồng đã viết thừa ba chữ “có thể sẽ”. Điều này dẫn tới sai lệch ý chí của bên A trong thỏa thuận kí kết hợp đồng.

Ví dụ 9: Nếu bên B không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng, hồ sơ được đánh giá không đảm bảo chất lượng, tiến độ chậm do lỗi của bên B gây ra sẽ bị phạt theo các hình thức sau.

“Được” và “bị” trong tiếng Việt có chung ý nghĩa là “tiếp nhận” nhưng “được” mang ý nghĩa tích cực còn “bị” mang ý nghĩa tiêu cực. Nếu như vậy, chúng ta phải thay “được” trong ví dụ 9 bằng “bị” thì điều khoản này mới được hoàn chỉnh về nghĩa. Mặc dù lỗi dùng từ này không ảnh hưởng quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia kí kết hợp đồng nhưng nó làm sai nghĩa tình thái của văn bản cho nên người soạn

thảo cũng cần tránh để có được một văn bản hoàn chỉnh.

Ví dụ 10: Nếu bên B chậm thanh toán thì bên B sẽ bị phạt 0,2% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trả chậm, tính từ ngày thứ 4 kể từ ngày hóa đơn.

Lỗi dùng từ ở ví dụ 11 này do người soạn thảo ghép từ một cách tùy tiện thành “ngày hóa đơn”. Trong kho tàng từ vựng của tiếng Việt cũng như hệ thống các từ ngữ pháp lí chưa từng có từ này. Trong văn bản hợp đồng không được tùy tiện ghép chữ, ghép tiếng, không tùy tiện thay đổi từ ngữ pháp lí. Việc ghép chữ, ghép tiếng dễ dẫn đến sự hiểu nhầm ý chí của các bên kí kết hợp đồng, việc thay đổi từ ngữ pháp lí trong hợp đồng có thể dẫn tình trạng vận dụng bị sai lệch, việc thực hiện hợp đồng bị vi phạm. Đây không phải là tình trạng chưa bao giờ xảy ra, theo luật gia Nguyễn Thu Thảo và Lê Nguyễn Thành Nam đã có những trường hợp khi xây dựng hợp đồng người ta ghép các từ trong thỏa thuận về “thời hạn có hiệu lực của hợp đồng” thành “thời hiệu của hợp đồng” và nó đã làm sai lệch ý nghĩa từ ngữ ban đầu.

2.3. Lỗi cấu tạo câu

a) Thiếu các thành phần nòng cốt câu

Theo Nguyễn Thị Lương (2006), thành phần nòng cốt (thành phần chính) của câu là thành phần đảm bảo cho câu được trọn nghĩa và thực hiện được chức năng giao tiếp, cả trong trường hợp câu tồn tại độc lập, tách biệt với văn cảnh hoặc hoàn cảnh sử dụng. Trong trường hợp bình thường, câu có hai thành phần nòng cốt: chủ ngữ và vị ngữ. Bên cạnh chủ ngữ và vị ngữ, câu còn có các thành phần phụ khác, như bổ ngữ của động từ là thành phần nòng cốt, bắt buộc phải có mặt trong câu.

Tuy nhiên, trong lời nói hàng ngày hoặc trong văn bản nghệ thuật, các thành phần nòng cốt của câu có thể được lược bỏ nếu sự vật, hành động hay đặc điểm mà chúng biểu thị đã rõ qua văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp. Còn những trường hợp khác, đặc biệt trong những văn bản đòi hỏi sự diễn đạt chính xác như văn

bản hành chính, việc lược bỏ các thành phần nòng cốt sẽ làm cho câu sai ngữ pháp.

Ví dụ 11: Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ

Sau khi hồ sơ lập dự án đầu tư và tổng mức đầu tư được duyệt. Bên B sẽ phải giao nộp cho bên A các tài liệu hoàn chỉnh.

Ví dụ 12: Câu thiếu chủ ngữ

Bên A giao cho bên B thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế cơ sở, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, Dự án: Mở rộng, nâng cấp đường Linh Nam theo quy hoạch với các nội dung sau:

Khảo sát địa hình, thủy văn, địa chất tuyến và công trình trên tuyến, đo môđun cường độ mặt đường cũ bằng cân Benkenman. Điều tra công trình ngầm, nổi, điều tra kinh tế xã hội, điều tra GPMB.

Ví dụ 13: Câu thiếu vị ngữ

Điều 25: Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 7 ngày sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, trình cho đại diện chủ đầu tư 5 bộ dự thảo quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà đại diện chủ đầu tư đã chấp thuận: [...]

b) Thiếu một vế của câu ghép

Câu ghép là loại câu có từ hai vế trở lên, mỗi vế tương đương một câu đơn, nối trực tiếp với nhau hoặc nối với nhau bằng các hư từ hoặc bằng các cặp kết từ nhằm trình bày những sự việc hay những ý kiến có liên quan mật thiết với nhau. Theo đó, câu ghép viết không đúng theo chuẩn trên là câu sai.

Ví dụ 14: Thiếu một vế của câu ghép điều kiện – kết quả

Khi bên A đã cung cấp đầy đủ các dịch vụ theo yêu cầu của bên B mà không có phát sinh khác. Bên A xuất hóa đơn tài chính hợp lệ và nhận đủ tiền của bên B thì hợp đồng này tự thanh lí.

Ví dụ 15: Câu sử dụng sai cặp kết từ

Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kì.

2.4. Các lỗi khác

Các lỗi trong nhóm này chủ yếu được nhìn nhận dưới góc độ pháp lý.

Ví dụ 16:

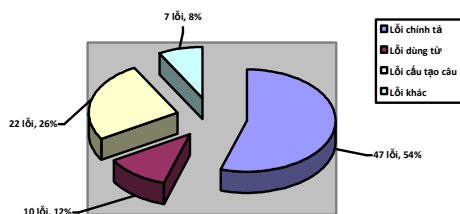
Hồ sơ, tài liệu giao cho bên A số lượng như sau:

Hồ sơ khảo sát: 9 bộ gồm: nhật kí khảo sát; báo cáo và các bản vẽ khảo sát v.v...

Ví dụ trên có hai lỗi: lỗi thứ nhất liên quan đến vấn đề viết số trong văn bản hợp đồng, lỗi thứ hai liên quan đến việc sử dụng kí hiệu “v.v...” Để đảm bảo tính chặt chẽ thì tất cả các con số có một chữ số, người soạn thảo phải viết thêm chữ số không ở phía trước và có chú thích bằng chữ để tránh việc kẻ xấu lợi dụng thêm một chữ số khác đằng trước. Và cũng để đảm bảo tính rõ ràng, chính xác, văn bản hợp đồng tránh việc sử dụng chữ v.v. hoặc dấu ba chấm (...). Việc dùng kí hiệu “v.v...” hoặc dấu “...” là nhằm mục đích thông báo cho người đọc hiểu rằng còn rất nhiều nội dung tương tự không cần thiết phải viết hết hoặc không có khả năng liệt kê ra hết, điều này trong hợp đồng không thể chấp nhận vì nó trái với nguyên tắc chính xác, cụ thể của văn bản hợp đồng và có thể bị lợi dụng làm sai đi nội dung thỏa thuận của hợp đồng. Hơn nữa những nội dung có thể tương tự chưa được đưa ra bàn bạc, thỏa thuận giữa các bên thì không được phép thực hiện nó vì chưa được các bên xem xét, quyết định.

Các lỗi về dùng kí hiệu “v.v...” hoặc dấu ba chấm chúng tôi chỉ bắt gặp 2 lần trong quá trình khảo sát còn chủ yếu là lỗi viết số.

Tỉ lệ các lỗi trong văn bản hợp đồng



3. Lời kết

Trong xã hội hiện nay, hợp đồng có một vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân. Hợp đồng là sự thỏa thuận mang tính pháp lý, là căn cứ, là cơ sở để giải quyết những tranh chấp liên quan đến những vấn đề mà hai bên đã thỏa thuận và thống nhất. Do đó, hợp đồng phải được soạn thảo một cách kĩ lưỡng, đảm bảo yêu cầu ngắn gọn, rõ ràng. Từ ngữ được sử dụng đòi hỏi phải chính xác, cụ thể, đồng thời câu văn cũng phải đơn nghĩa, không mơ hồ. Để có được điều này đòi hỏi người soạn thảo hợp đồng bên cạnh việc nắm vững pháp luật và lĩnh vực kí kết còn cần có một vốn kiến thức cơ bản về tiếng Việt, chữ Việt, về văn bản tiếng Việt để soạn thảo, loại văn bản hợp đồng. Có như vậy mới hạn chế và khắc phục được các lỗi trong văn bản hợp đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Tạ Hữu Ánh (2010), *Soạn thảo và ban hành văn bản của cơ quan, tổ chức*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2002), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2006), *Những lĩnh vực ứng dụng của Việt ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thế Phán (Chủ biên) (2008), *Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
6. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt (Câu)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Đinh Thị Phương Thu, Huỳnh Quyết Thắng, Nguyễn Văn Lợi (2007), *Sử dụng luật cấu tạo âm tiết tiếng Việt hai thành phần trong bài toán kiểm tra chính tả tiếng Việt*, Tạp chí BCVT&CNTT.
8. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) (1999), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2008), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 03-04-2013)